

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS – ST
Ngày: 28 – 01 – 2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn;
2. Ông Phạm Ngọc Nguyên.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” thụ lý số: 191/2018/TLST – DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2018/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 12 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 115/2018/QĐST – DS ngày 24/12/2018 và thông báo số 01/2019/TB – TA ngày 07/01/2019 về việc thay đổi thời gian xét xử, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Bích L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ x, ấp V, xã K, huyện T, tỉnh An Giang.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1958. Địa chỉ cư trú: Số xx, đường P, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang (Theo giấy ủy quyền số 1080, quyền số 07TP/CC – SCC/HĐGD được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Huỳnh Vĩnh Khang ngày 22/8/2018) – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số A, ấp B, xã M, thành phố LX, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

3. *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Ông Dương Văn Vĩnh A, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 07/8/2018 của nguyên đơn là bà Dương Thị Bích L, cũng như tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, ông Trần Trọng B là người đại diện hợp pháp cho bà L trình bày:***

Bà L là chủ Cửa hàng Vật tư nông nghiệp S được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào năm 2010. Giữa năm 2016, bà L và bà Trần Thị N có giao dịch mua bán phân thuốc trừ sâu. Việc mua bán không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Phương thức thanh toán tiền là gởi đầu. Đến ngày 20/8/2017, bà L và bà N lập biên bản đối chiếu tiền còn nợ là 28.070.000 đ (Hai mươi tám triệu không trăm lẻ bảy mươi nghìn đồng). Biên bản được ký giữa nhân viên của cửa hàng Vật tư nông nghiệp S là ông Dương Văn Vĩnh A với bà N. Đến ngày nào không rõ thì bà N có trả thêm 2.000.000 đ (Hai triệu đồng), còn nợ lại 26.070.000 đ (Hai mươi sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng) và hứa hẹn tới ngày 01/9/2017 sẽ trả thêm 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng) nhưng không thực hiện. Thời gian qua, bà L nhiều lần L hệ yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N cố tình lẩn tránh. Nay, bà L yêu cầu bà N trả tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 26.070.000 đ (Hai mươi sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng). Bà L xác định không yêu cầu bà N trả lãi phát sinh do chậm thanh toán.

**** Theo biên bản ghi lời khai ngày 07/11/2018, người làm chứng là ông Dương Văn Vĩnh A trình bày:***

Ông và bà L có quan hệ huyết thống là chú bác ruột. Ông làm thuê cho cửa hàng của L khoảng 10 năm qua với mức lương là 6.000.000 đ (Sáu triệu đồng) mỗi tháng. Đến giữa năm 2016, bà N có mua phân thuốc trừ sâu của cửa hàng do bà L làm chủ. Quá trình giao dịch với bà N, ông là người trực tiếp giao hàng, nhận tiền thanh toán. Đến ngày 20/8/2017, ông đến nhà bà N nhắc nhở trả tiền còn nợ thì hai

bên thống nhất bà N còn nợ bà L số tiền là 28.070.000 đ (Hai mươi tám triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng). Sau đó, bà N có thanh toán được 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) tại Công an xã M thì ngưng đến nay. Bà N có hứa đến ngày 01/9/2017 sẽ trả thêm cho bà L 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng) nhưng vẫn không thực hiện.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thư ký, Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch mua bán phân thuốc trừ sâu. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đại diện cho nguyên đơn xác định rút lại yêu cầu bị đơn chịu lãi phát sinh do chậm thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là bà Dương Thị Bích L ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Trọng B. Việc ủy quyền này được lập thành văn bản, được chứng nhận tại Phòng Công chứng, về hình thức và nội dung ủy quyền không trái với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Tranh chấp giữa bà Dương Thị Bích L và bà Trần Thị N là tranh chấp giữa các cá nhân về hợp đồng mua bán phân thuốc trừ sâu nên được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] Đối với bị đơn là bà Trần Thị N, theo kết quả xác minh của Công an xã M xác định bà N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ thuộc tổ 9, ấp B, xã M, thành phố LX, tỉnh An Giang và bà N vẫn còn sinh sống tại địa phương. Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 177, 178 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn không có mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt người làm chứng là ông Dương Văn Vĩnh A. Xét thấy, trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, ông An đã cung cấp lời khai rõ ràng và đầy đủ. Do đó, việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[5] Tòa án đã ban hành và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, bà N cũng không có ý kiến phản hồi về các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thông báo bằng Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ số 123/2018/TB – TA ngày 09/11/2018. Như vậy, bà N đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định tại Điều 70, Điều 72. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để xem xét, giải quyết vụ án.

[6] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản chính Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 20/8/2017. Tại Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ thể hiện bà Trần Thị N là bên mua còn nợ bên bán số tiền là 28.070.000 đ (Hai mươi tám triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng). Ngoài ra, để có cơ sở giải quyết vụ án khách quan, toàn diện thì Tòa án còn tiến hành thu thập lời khai của ông Dương Văn Vĩnh A. Ông A cho rằng ông là nhân viên phụ trách bán hàng cho bà L. Ông là người trực tiếp giao dịch mua bán với bà N từ giữa năm 2016. Nay ông xác định, do bà N không thực hiện

nghĩa vụ trả tiền mua phân thuốc trừ sâu nên bà L mới khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán.

[7] Như vậy, đã đủ cơ sở xác định giữa bà L và bà N có xác lập giao dịch dân sự là quan hệ hợp đồng mua bán phân thuốc trừ sâu. Theo nguyên đơn trình bày, thời điểm các bên xác lập giao dịch là khoảng năm 2016. Tuy nhiên, thời điểm các bên xác nhận tiền còn nợ là ngày 20/8/2017 nên Hội đồng xét xử căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng mua bán để xem xét giải quyết.

[8] Xét thấy, do N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua được quy định tại Điều 430 và 440 của Bộ luật dân sự năm 2015. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên bán, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[9] Đại diện cho nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn phải chịu lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[10] **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bà L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.000 đ (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009860 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 652.000 đ (Sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 2 Điều 91, Điều 177, Điều 178, Điều 179, Điều 227, Điều 228; Điều 229, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 430, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Bích L 26.070.000 đ (Hai mươi sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bà được L nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 675.000 đ (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009860 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 652.000 đ (Sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ khi tuyên án.

Bà N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Lưu: hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

